

CÔNG TY TNHH ĐẮC BÌNH AN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẮC BÌNH AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2400886097

3. Ngày thành lập: 24/04/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thượng 2, Thị Trấn An Châu, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0377227050

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác gỗ	0220(Chính)
2.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
3.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
4.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
5.	Khai thác thủy sản biển	0311
6.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
7.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
8.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
9.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
10.	Khai thác và thu gom than non	0520
11.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
12.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
13.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
14.	Khai thác muối	0893
15.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
16.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
17.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
18.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
19.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
20.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
21.	Sản xuất đường	1072
22.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
23.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
24.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075

25.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
26.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
27.	Sản xuất sợi	1311
28.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
29.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
30.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
31.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
32.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
33.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
34.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
35.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
36.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
37.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
38.	Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quần gỗ	1610
39.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
40.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
41.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
42.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
43.	Sản xuất sẫm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su	2211
44.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
45.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
46.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
47.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
48.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
49.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
50.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
51.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
52.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
53.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
54.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
55.	Đúc sắt, thép	2431
56.	Đúc kim loại màu	2432
57.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
58.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
59.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
60.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610

61.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
62.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
63.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
64.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
65.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
66.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
67.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
68.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
69.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
70.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
71.	Sản xuất máy luyện kim	2823
72.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
73.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
74.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
75.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
76.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
77.	Xây dựng nhà để ở	4101
78.	Xây dựng nhà không để ở	4102
79.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
80.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
81.	Xây dựng công trình điện	4221
82.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
83.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
84.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
85.	Xây dựng công trình thủy	4291
86.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
87.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
88.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
89.	Phá dỡ	4311
90.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
91.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
92.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
93.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
94.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
95.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
96.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
97.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) Không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản	4512

98.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản	4513
99.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản	4520
100.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản	4530
101.	Bán mô tô, xe máy Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản	4541
102.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
103.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản	4543
104.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản	4610
105.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
106.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
107.	Bán buôn thực phẩm	4632
108.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
109.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
110.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
111.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
112.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
113.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
114.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
115.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
116.	Bán buôn tổng hợp	4690
117.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
118.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
119.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
120.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
121.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
122.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
123.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
124.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
125.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
126.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

127.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
128.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
129.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
130.	Cho thuê xe có động cơ	7710
131.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
132.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
133.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
134.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
135.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
 Sinh ngày: _____ Dân tộc: _____ Quốc tịch: _____
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: _____
 Số giấy chứng thực cá nhân: _____
 Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: _____
 Chỗ ở hiện tại: _____

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **TRẦN VĂN KHIÊM** Giới tính: *Nam*
 Chức danh: *Giám đốc*
 Sinh ngày: *18/02/1980* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
 Số giấy chứng thực cá nhân: *121903223*
 Ngày cấp: *06/08/2015* Nơi cấp: *Công an tỉnh Bắc Giang*
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thượng 2, Thị trấn An Châu, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*
 Chỗ ở hiện tại: *Thượng 2, Thị trấn An Châu, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang